

**CÔNG TY CỔ PHẦN BĐS VINLAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BĐS VINLAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINLAND BDS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BĐS VINLAND.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109156816

**3. Ngày thành lập:** 10/04/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 42, Ngõ 67 Phùng Khoang, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)             | 6619        |
| 2.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Môi giới bất động sản;<br>- Tư vấn bất động sản;                  | 6820(Chính) |
| 3.  | Quảng cáo                                                                                                                                             | 7310        |
| 4.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                              | 7320        |
| 5.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                     | 4101        |
| 6.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                               | 4102        |
| 7.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                         | 4211        |
| 8.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                          | 4212        |
| 9.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                              | 4221        |
| 10. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                   | 4222        |
| 11. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình xử lý bùn;<br>- Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu. | 4229        |
| 12. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                              | 4291        |
| 13. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                       | 4292        |
| 14. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                 | 4293        |
| 15. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                     | 4312        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                 | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322 |
| 18. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.</li> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thang máy, thang cuốn,</li> <li>+ Cửa cuốn, cửa tự động,</li> <li>+ Dây dẫn chống sét,</li> <li>+ Hệ thống hút bụi,</li> <li>+ Hệ thống âm thanh,</li> <li>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                              | 4329 |
| 19. | <p>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ gạch lát sàn, gạch ốp tường;</li> <li>- Bán lẻ bình đun nước nóng;</li> <li>- Bán lẻ thiết bị vệ sinh: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác.</li> <li>- Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;</li> <li>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...</li> <li>- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> </ul> | 4752 |
| 20. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;</li> <li>- Bán buôn xi măng;</li> <li>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;</li> <li>- Bán buôn kính xây dựng;</li> <li>- Bán buôn sơn, véc ni;</li> <li>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;</li> <li>- Bán buôn đồ ngũ kim;</li> <li>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;</li> <li>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4663 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ các mặt hàng:<br>- Đồ ngũ kim: khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào....<br>- Sơn, véc ni và sơn bóng.<br>- Kính phẳng.<br>- Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh.<br>- Thiết bị và vật liệu để tự làm. | 4784 |
| 22. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                            | 5210 |
| 23. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                | 4223 |
| 24. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4311 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHÍ MẠNH THẮNG | Thôn 3, Xã Hương Ngải, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông         | 75.000     | 750.000.000           | 15,000    | 111258566                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 75.000     | 750.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |

|   |              |                                                                                                                              |                           |        |             |        |                  |
|---|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 2 | CAO VĂN LỰC  | Thôn Phúc Tiến, Xã Bình Yên, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                                    | Cổ phần phổ thông         | 75.000 | 750.000.000 | 15,000 | 111906528        |
|   |              |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                                              | Tổng số                   | 75.000 | 750.000.000 | 15,000 |                  |
| 3 | ĐỖ NGỌC TUẤN | Căn hộ 2710 - CT5 - Tòa nhà hỗn hợp nhà ở và Trung tâm thương mại, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 75.000 | 750.000.000 | 15,000 | 145133827        |
|   |              |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                                              | Tổng số                   | 75.000 | 750.000.000 | 15,000 |                  |
| 4 | ĐỖ HỮU NGỌC  | Đội 7, thôn Phú Lễ, Xã Cần Kiệm, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                                | Cổ phần phổ thông         | 75.000 | 750.000.000 | 15,000 | 0010810074<br>34 |
|   |              |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                                              | Tổng số                   | 75.000 | 750.000.000 | 15,000 |                  |

|   |                  |                                                                                    |                           |        |             |        |              |
|---|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 5 | PHẠM ĐỨC TRIỆU   | Xóm 3, Xã Thụy Ninh, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông         | 75.000 | 750.000.000 | 15,000 | 151858698    |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Tổng số                   | 75.000 | 750.000.000 | 15,000 |              |
| 6 | DƯƠNG MẠNH THẮNG | Xóm 3, thôn Vân Đình, Thị trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 75.000 | 750.000.000 | 15,000 | 001087010431 |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Tổng số                   | 75.000 | 750.000.000 | 15,000 |              |
| 7 | PHẠM VĂN PHONG   | Xóm 13, Xã Nghĩa Phú, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông         | 25.000 | 250.000.000 | 5,000  | 163456262    |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Tổng số                   | 25.000 | 250.000.000 | 5,000  |              |

|   |              |                                                                                  |                           |        |             |       |           |
|---|--------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|-----------|
| 8 | ĐỒ QUỐC HOÀN | Đội 3, thôn Hương Quất, Xã Thành Công, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 25.000 | 250.000.000 | 5,000 | 145235686 |
|   |              |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |              |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |              |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |              |                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |              |                                                                                  | Tổng số                   | 25.000 | 250.000.000 | 5,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: DƯƠNG MẠNH THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/09/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001087010431

Ngày cấp: 04/07/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3, thôn Vân Đình, Thị trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 3, thôn Vân Đình, Thị trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội